

Bản án số: 631/2017/HS-PT
Ngày 29 – 11 – 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Công Lý

Các Thẩm phán:

Ông Lê Hoàng Tấn

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Diệu Thúy – Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 445/2017/TLPT-HS ngày 08 tháng 9 năm 2017 đối với các bị cáo Phạm Văn T và Võ Thị Thùy D, do có kháng cáo của bị cáo T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 261/2017/HS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Phạm Văn T; giới tính: nam; sinh năm 1969 tại tỉnh Bắc Giang; thường trú: Thôn S, xã L, huyện H, tỉnh Bắc Giang; chỗ ở: Chung cư R, đường Nguyễn Sỹ S, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: 7/10; nghề nghiệp: Làm rẫy; con ông Phạm Viết D (chết) và bà Nguyễn Thị N (chết); hoàn cảnh gia đình: Có vợ là bà Bùi Thị N; tiền án: Ngày 28/6/1999, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt bị cáo 13 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 15 năm tù về tội “Tổ chức, sử dụng trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt chung cho cả 2 tội là 20 năm tù theo Bản án số 114/HS-ST, chấp hành xong hình phạt năm 2013; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 19/9/1994, Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hòa Bình xử phạt 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 15/HS-ST; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/6/2016 (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nông Thị Hồng D – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị: Võ Thị Thùy D, sinh năm 1988; thường trú: Chung cư Nguyễn Văn L, đường T, Phường Y, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Bà Nguyễn Thị Thanh P, sinh năm 1977; thường trú: đường Phạm Ngũ L, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 04 giờ 50 phút ngày 04/6/2016, tại khu vực Bến xe miền Đông số 292 đường Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, quận Bình Thạnh, Tổ công tác gồm: Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Bộ Công an, Phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an Thành phố Hồ Chí Minh và Phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an tỉnh Tây Ninh phát hiện bắt quả tang Phạm Văn T đang cất giấu trái phép chất ma túy. Thu giữ trong túi xách của T 07 gói nylon chứa tinh thể không màu (ký hiệu M), qua giám định có khối lượng 1.229,6577 gram, loại Methamphetamine.

Lúc 15 giờ, ngày 04/6/2016, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Tây Ninh bắt khẩn cấp Vũ Thị Thùy D về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Khám xét khẩn cấp nơi ở của D tại số Chung cư Nguyễn Văn L, đường T, Phường Y, quận G thu giữ: Trong túi áo khoác Jean, trong túi xách, trong ngăn kéo tủ tivi, trong tủ quần áo trong phòng ngủ của D tổng cộng 30,7804gram ma túy (dạng bột và dạng viên) gồm các loại 13,8663gram MA; 14,3856gram Ketamine; 2,0549gram MDA và MDMA; 0,4736gram MDMA và MA.

Toàn bộ số ma túy thu giữ của T và D đã được giám định tại Bản Kết luận giám định ma túy số 87/MT-2016 ngày 7/6/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Tây Ninh.

Tại cơ quan điều tra, Phạm Văn T khai nhận: Do cần tiền tiêu xài nên từ giữa tháng 5/2016, T bắt đầu mua bán ma túy. Nguồn ma túy T mua của Nguyễn Đức N (ở Lạng Sơn), cụ thể: khoảng giữa tháng 5/2016 T đi ra tỉnh Lạng Sơn gặp N và mua 500 gram ma túy với giá 120.000.000 đồng với phương thức: T nhận ma túy trước, khi bán xong thanh toán tiền cho N qua chuyển khoản vào tài khoản số 8405205038884 của N tại Ngân hàng AgriBank - Chi nhánh huyện Lộc Bình. T mang 500 gram ma túy về Thành phố Hồ Chí Minh bán cho Vũ Thị Thùy D 73 gram với giá 30.000.000 đồng, nhưng sau đó T thay đổi lời khai là trước đó khai bán cho Vũ Thị Thùy D 73 gram ma túy đá là khai nhầm, không chính xác, mà thực tế T đã bán 73g ma túy cho người phụ nữ khác cũng tên D nhưng không rõ lai lịch, địa chỉ, số ma túy còn lại T bán cho 1 người Campuchia (cũng không rõ lai lịch, địa chỉ) với giá 150.000.000 đồng, thu lời được 60.000.000 đồng. Ngày 18 và ngày 26/5/2016, T đã chuyển 02 lần tổng cộng 300.000.000 đồng vào tài khoản của N để thanh toán 120.000.000 đồng tiền đã mua 500 gram ma túy. Số tiền còn lại 180.000.000 đồng T đặt mua của N số lượng ma túy mới. Lúc 00

giờ 00 phút, ngày 27/5/2016, T đi máy bay từ thành phố Hồ Chí Minh ra Hà Nội rồi đi Lạng Sơn gặp N để lấy ma túy đem về thành phố Hồ Chí Minh bán nhưng khi đến Lạng Sơn, T biết được N đã bị Công an tỉnh Lạng Sơn bắt giam về hành vi mua bán trái phép chất ma túy nên T tìm nguồn ma túy khác. Ngày 31/5/2016, T ra khu vực Chợ Đêm (thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn) mua ma túy của người đàn ông khoảng 40 tuổi (không biết tên lai lịch, địa chỉ) 1,2 kg ma túy để trong 7 bịch nylon với giá 285.000.000 đồng. Sau đó T mua thêm 1 túi xách màu nâu bỏ 07 bịch ma túy vào rồi đi bằng đường bộ mang ma túy về Thành phố Hồ Chí Minh. Lúc 4 giờ 50 phút ngày 04/6/2016, khi T về đến Bến xe miền Đông thì bị Công an phát hiện bắt quả tang thu giữ 7 bịch ma túy như đã nêu ở trên.

Vũ Thị Thùy D khai nhận là người nghiện ma túy. Để có ma túy sử dụng cho bản thân, khoảng đầu tháng 5/2016, D điện thoại cho L (không rõ lai lịch, địa chỉ) đặt mua ma túy với số tiền là 8.500.000 đồng. Long đồng ý bán và hẹn giao ma túy, thanh toán tiền tại khu vực cầu Chánh Hưng, quận 8. D gặp L nhận ma túy rồi mang về nhà cất giấu trong túi quần Jean, trong tủ quần áo, kệ tủ tivi phòng ngủ của D. Đến 15 giờ 00 phút, ngày 04/6/2016, Công an tỉnh Tây Ninh khám xét phòng ngủ của D thu giữ toàn bộ số ma túy mua của Long như đã nêu trên. D không thừa nhận đã mua của T 73g ma túy đá vào tháng 5/2016, D chỉ quen biết với T trong dịp ra Hà Nội mua vải, quần áo và giày dép về bán lại.

Mặc dù trước đó N khai đã bán cho T 2kg ma túy đá, nhưng T chỉ thừa nhận mua của N 500gram ma túy (đá), ngoài ra không còn chứng cứ khác chứng minh T đã mua của N 2kg ma túy (đá) mà chỉ có cơ sở buộc T chịu trách nhiệm hình sự đối với 500g ma túy mà T thừa nhận đã mua của N trước đó và với số ma túy T bị bắt quả tang thu giữ.

Đối với lời khai của T đã bán cho Vũ Thị Thùy D 73gram ma túy đá trước đó, do T thay đổi lời khai là không bán ma túy cho D và D cũng không thừa nhận đã mua ma túy của T, nên không có cơ sở buộc D phải chịu trách nhiệm hình sự đối với 73g T khai trước đó, mà chỉ có cơ sở buộc D chịu trách nhiệm hình sự đối với số ma túy khám xét thu giữ ở nhà của D.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 261/2017/HSST ngày 26 tháng 7 năm 2017, Toà án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố:

Bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 34 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn T tù Chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày 04/6/2016.

Áp dụng khoản 5 Điều 194 của Bộ luật hình sự, phạt bổ sung bị cáo Phạm Văn T 10.000.000 đồng sung công quỹ nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Vũ Thị Thùy D; về buộc nộp tiền thu lợi bất chính, xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm, nghĩa vụ trong trường hợp chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 04/8/2017, bị cáo Phạm Văn T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn T và giữ N bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo ý kiến cho rằng tại phiên tòa bị cáo khai đã có ý mua của tên N ở Lạng Sơn 50% chất ma túy thiệt và 50% hàng giả, pha trộn lại để bán có lợi nhuận cao, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để trưng cầu giám định lại hàm lượng chất ma túy thu giữ, đảm bảo xét xử đúng người, đúng tội, bị cáo tâm phục.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T đã khai nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy với số lần, số lượng đúng như kết quả điều tra và Tòa án cấp sơ thẩm quy kết. Lời khai này hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ là biên bản bắt người phạm tội quả tang, các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, hỏi cung, các biên bản khám xét, lời khai những người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ có căn cứ xác định: Từ giữa tháng 5 đến đầu tháng 6/2016, bị cáo đã 2 lần ra thành phố Lạng Sơn mua chất ma túy đá loại Methamphetamine để đem về Thành phố Hồ Chí Minh bán lại, tổng trọng lượng 1.729,6577 gram. Lần nhất 500 gram bị cáo đã bán hết, lợi nhuận được 60.000.000 đồng, lần hai vừa về đến bến xe Miền Đông thì bị bắt quả tang, qua giám định trọng lượng 1.229,6577 gram. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm e khoản 4 Điều 194 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã khai nhận đầy đủ hành vi phạm tội của mình gây ra, được các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đánh giá thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải khi lượng hình. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, mặc dù bị cáo cũng khai việc mua bán chất ma túy như bản án sơ thẩm nêu, nhưng bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét trong số lượng ma túy bị bắt quả tang, bị cáo chỉ mua 50% là hàng thật,

còn lại 50% bị cáo đặt hàng giả pha trộn vào nên đề nghị xem xét lại trọng lượng ma túy bị cáo phải chịu trách nhiệm. Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại, trưng cầu giám định lại hàm lượng chất ma túy bị bắt quả tang.

[3] Xét thấy, quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã nhìn nhận hoàn toàn hành vi phạm tội, khai báo rõ ràng, không hề khai là cố ý đặt mua ma túy giả pha trộn; còn đối với chất ma túy bị thu giữ cũng được trưng cầu giám định, kết quả giám định kết luận là loại Methamphetamine, khối lượng 1.229,6577 gram, như vậy không có căn cứ để nói là hàng giả, theo quy định của pháp luật thì các chất ma túy ở thể rắn không buộc phải xác định hàm lượng. Do đó, lời trình bày, biện hộ của bị cáo không có căn cứ, không tỏ rõ sự hối cải; Ý kiến của người bào chữa là không có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[4] Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức được chất ma túy rất nguy hiểm cho người sử dụng nhưng vì ham lợi mà mua bán trái phép với số lượng rất lớn, xâm phạm nghiêm trọng chính sách quản lý về chất ma túy của Nhà nước. Bản thân bị cáo có tiền án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” mức độ đặc biệt nghiêm trọng, nay lại tiếp tục phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” theo điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, bất chấp pháp luật, không có chút gì hối cải. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án tù Chung thân và phạt bổ sung 10.000.000 đồng là thỏa đáng, cần thiết để răn đe tội phạm, tương xứng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

[5] Các quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, bản án sơ thẩm được giữ N. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật tố tụng hình sự. Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 34 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn T tù Chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày 04/6/2016.

Áp dụng Điều 243 của Bộ luật tố tụng hình sự: Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

Áp dụng khoản 5 Điều 194 của Bộ luật hình sự. Phạt bổ sung bị cáo Phạm Văn T 10.000.000 đồng sung công quỹ nhà nước.

2. Về án phí: Bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt của bị cáo Vũ Thị Thùy D, xử lý về thu lợi bất chính, xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- Sở tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam Công an Tp. Hồ Chí Minh (2);
- Lưu VP(3), HS (2). 14b (Án38)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Công Lý